

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

VITA · ĐẦU TƯ NHƯ Ý

BẢO VỆ TỐT, CƠ HỘI CHỐT LỜI

BẢO VỆ

 **4 mức bảo vệ** khác nhau với cùng **1 mức phí**

 **Bảo vệ toàn diện** cho cả gia đình với các sản phẩm bổ trợ



ĐẦU TƯ

 **2 công ty quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam**

 **Quyền lợi thưởng hấp dẫn**

 **Linh hoạt thay đổi** tùy thuộc vào tình hình tài chính và nhu cầu cuộc sống.

Bên mua bảo hiểm: **CHỊ LAN**
Người được bảo hiểm: **CHỊ LAN**

Thời hạn đóng phí dự kiến: **20 năm**
Phương thức đóng phí: **Chuyển khoản**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp nhiều giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Trụ sở chính: 43 – 45 Tú Xương, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (+84) 28 6288 6888
Website: generali.vn

Hotline: 1900 96 96 75
Địa chỉ email: info@generalilife.com.vn

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: NGUYỄN THỊ THÚY VÂN
Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummy001



Generali SIS Bản số : ILP4
In ngày: 05/07/2022 10:18:24

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: Nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: CHỊ LAN	Tuổi: 30	Giới tính: Nữ	Nhóm nghề: 1
----------------------------------	-----------------	----------------------	---------------------

Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm) (*)	Phí BH hàng năm
CHỊ LAN	30	Nữ	1	0	VITA - ĐẦU TƯ NHƯ Ý Lựa chọn bảo vệ 100	1.000.000	69	16.210
CHỒNG CHỊ LAN	35	Nam	1	0	BH miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng	-	40	875
				0	BH Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	500.000	20	5.300
CON CHỊ LAN	3	Nữ	1	0	BH hỗ trợ viện phí	500	20	1.070

	Hàng năm	Hàng nửa năm	Hàng quý
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1	16.210	8.105	4.053
Phí bảo hiểm bổ trợ Năm 1	7.245	3.623	1.811
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1	23.455	11.728	5.864
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1	26.545		
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1	50.000		



Tỷ lệ phân bổ quỹ (%)	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động
Phí bảo hiểm định kỳ (gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ)	-	-	50	50
Phí bảo hiểm đóng thêm	-	-	50	50

Ghi chú:

- (*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn.



MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư cao (Không đảm bảo)				Mức tỷ suất đầu tư thấp (Không đảm bảo)				Rút tiền
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Các khoản thưởng	Giá trị Tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)+(10)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/31	50.000	1.000.000	1.029.142	-	29.142	26.913	1.026.866	-	26.866	24.961	-
2/32	100.000	1.000.000	1.064.632	-	64.632	56.221	1.057.481	-	57.481	50.171	-
3/33	150.000	1.000.000	1.115.251	-	115.251	103.575	1.099.501	-	99.501	88.483	-
4/34	200.000	1.000.000	1.172.815	-	172.815	159.310	1.144.200	-	144.200	131.829	-
5/35	250.000	1.000.000	1.237.224	-	237.224	237.224	1.190.939	-	190.939	190.939	-
6/36	300.000	1.000.000	1.309.758	2.634	309.758	309.758	1.240.191	2.278	240.191	240.191	-
7/37	350.000	1.000.000	1.385.830	-	385.830	385.830	1.287.386	-	287.386	287.386	-
8/38	400.000	1.000.000	1.468.371	-	468.371	468.371	1.334.762	-	334.762	334.762	-
9/39	450.000	1.000.000	1.563.916	5.979	563.916	563.916	1.386.925	4.620	386.925	386.925	-
10/40	500.000	1.000.000	1.673.363	11.728	673.363	673.363	1.446.382	11.728	446.382	446.382	-
11/41	550.000	1.000.000	1.780.462	-	780.462	780.462	1.494.359	-	494.359	494.359	-
12/42	600.000	1.000.000	1.906.936	10.330	906.936	906.936	1.549.368	7.021	549.368	549.368	-
13/43	650.000	1.000.000	2.033.825	-	1.033.825	1.033.825	1.597.417	-	597.417	597.417	-
14/44	700.000	1.000.000	2.171.469	-	1.171.469	1.171.469	1.645.430	-	645.430	645.430	-
15/45	750.000	1.000.000	2.348.517	27.709	1.348.517	1.348.517	1.714.560	21.171	714.560	714.560	-
16/46	800.000	1.000.000	2.513.035	-	1.513.035	1.513.035	1.762.657	-	762.657	762.657	-
17/47	850.000	1.000.000	2.691.343	-	1.691.343	1.691.343	1.810.416	-	810.416	810.416	-
18/48	900.000	1.000.000	2.907.964	23.317	1.907.964	1.907.964	1.869.656	11.842	869.656	869.656	-
19/49	950.000	1.000.000	3.119.657	-	2.119.657	2.119.657	1.916.793	-	916.793	916.793	-
20/50	1.000.000	1.000.000	3.372.726	23.455	2.372.726	2.372.726	1.986.973	23.455	986.973	986.973	-

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
 NGUYỄN THỊ THÚY VÂN
 Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummy001

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



220705101824001

In ngày: 05/07/2022 10.18.25
 Trang số: 4 / 17

Ghi chú:

1. Quyền lợi TTTB&VV được chi trả nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra trước Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 70 Tuổi.
2. Phí bảo hiểm hàng năm được minh họa theo Thời hạn đóng phí dự kiến. Chi tiết về phí bảo hiểm được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng được thể hiện tại trang “Minh họa chi tiết các loại phí”.
3. Các khoản thưởng ở cột (5) và cột (9) bao gồm Quyền lợi Món quà khởi đầu (nếu có), Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng (nếu có) và Quyền lợi Thưởng đặc biệt (nếu có). Giá trị Tài khoản hợp đồng ở cột (6) và cột (10) đã bao gồm các khoản thưởng này.
4. Khoản rút tiền được minh họa dựa trên Giá trị Tài khoản hợp đồng tính theo mức tỷ suất đầu tư cao. Khoản rút tiền có thể thấp hơn mức minh họa trên nếu dựa trên Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế tại thời điểm rút tiền. Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản. Khoản rút tiền được minh họa sau khi đã trừ Phí rút tiền.
5. Phí bảo hiểm hàng năm, các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm, Giá trị Tài khoản hợp đồng được minh họa tại trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” này có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả thực tế của Quỹ liên kết đơn vị. Chi tiết về Hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
6. Theo Thông tư 135/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này thể hiện quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí để duy trì Hợp đồng bảo hiểm thì Giá trị Tài khoản của hợp đồng vẫn sẽ tiếp tục được duy trì và nhận toàn bộ kết quả đầu tư.



MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TĂNG TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm được phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (8,9%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (1,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/31	15.672	406	14.165	14.571	296	13.137	13.433
2/32	17.431	2.726	29.590	32.316	2.335	26.406	28.741
3/33	22.975	11.237	46.388	57.625	9.944	39.807	49.750
4/34	24.148	21.726	64.681	86.407	18.758	53.342	72.100
5/35	25.000	33.720	84.892	118.612	28.189	67.281	95.469
6/36	25.000	47.978	106.901	154.879	38.737	81.359	120.095
7/37	25.000	62.046	130.869	192.915	48.115	95.577	143.693
8/38	25.000	77.216	156.970	234.186	57.443	109.938	167.381
9/39	25.000	96.564	185.394	281.958	69.020	124.443	193.463
10/40	25.000	114.470	222.212	336.682	78.234	144.956	223.191
11/41	25.000	133.789	256.442	390.231	87.368	159.811	247.179
12/42	25.000	159.749	293.719	453.468	99.869	174.815	274.684
13/43	25.000	182.598	334.314	516.912	108.740	189.968	298.708
14/44	25.000	207.213	378.522	585.735	117.442	205.273	322.715
15/45	25.000	241.731	432.528	674.258	130.685	226.595	357.280
16/46	25.000	271.041	485.476	756.518	139.063	242.266	381.328
17/47	25.000	302.534	543.138	845.671	147.114	258.094	405.208
18/48	25.000	348.052	605.931	953.982	160.748	274.080	434.828
19/49	25.000	385.516	674.312	1.059.829	168.170	290.226	458.396
20/50	25.000	425.856	760.507	1.186.363	175.226	318.261	493.486

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
 NGUYỄN THỊ THÚY VÂN
 Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummy001

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



220705101824001

In ngày: 05/07/2022 10.18.25
 Trang số: 6 / 17

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng /Tuổi	Phí bảo hiểm được phân bổ	Mức tỷ suất đầu tư cao (8,9%/năm) (Không đảm bảo)			Mức tỷ suất đầu tư thấp (1,0%/năm) (Không đảm bảo)		
		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng	Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tài khoản hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
1/31	15.672	406	14.165	14.571	296	13.137	13.433
2/32	17.431	2.726	29.590	32.316	2.335	26.406	28.741
3/33	22.975	11.237	46.388	57.625	9.944	39.807	49.750
4/34	24.148	21.726	64.681	86.407	18.758	53.342	72.100
5/35	25.000	33.720	84.892	118.612	28.189	67.281	95.469
6/36	25.000	47.978	106.901	154.879	38.737	81.359	120.095
7/37	25.000	62.046	130.869	192.915	48.115	95.577	143.693
8/38	25.000	77.216	156.970	234.186	57.443	109.938	167.381
9/39	25.000	96.564	185.394	281.958	69.020	124.443	193.463
10/40	25.000	114.470	222.212	336.682	78.234	144.956	223.191
11/41	25.000	133.789	256.442	390.231	87.368	159.811	247.179
12/42	25.000	159.749	293.719	453.468	99.869	174.815	274.684
13/43	25.000	182.598	334.314	516.912	108.740	189.968	298.708
14/44	25.000	207.213	378.522	585.735	117.442	205.273	322.715
15/45	25.000	241.731	432.528	674.258	130.685	226.595	357.280
16/46	25.000	271.041	485.476	756.518	139.063	242.266	381.328
17/47	25.000	302.534	543.138	845.671	147.114	258.094	405.208
18/48	25.000	348.052	605.931	953.982	160.748	274.080	434.828
19/49	25.000	385.516	674.312	1.059.829	168.170	290.226	458.396
20/50	25.000	425.856	760.507	1.186.363	175.226	318.261	493.486

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
 NGUYỄN THỊ THÚY VÂN
 Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummy001

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



220705101824001

In ngày: 05/07/2022 10.18.26
 Trang số: 7 / 17

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ vào			Các khoản khấu trừ			
	Cơ bản & bổ trợ	Đóng thêm	Tổng phí đóng		Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm	Tổng	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		
									Quyền lợi bảo hiểm chính	Quyền lợi bảo hiểm bổ trợ	Tổng
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)+(11)
1/31	23.455	26.545	50.000	18.657	5.330	26.014	31.344	480	1.538	2.746	4.285
2/32	23.455	26.545	50.000	15.138	8.848	26.014	34.862	504	1.529	2.805	4.334
3/33	23.455	26.545	50.000	4.049	19.937	26.014	45.951	528	1.547	2.864	4.411
4/34	23.455	26.545	50.000	1.704	22.282	26.014	48.296	552	1.574	2.922	4.496
5/35	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	576	1.619	2.980	4.599
6/36	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	600	1.682	3.124	4.807
7/37	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	624	1.754	3.298	5.052
8/38	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	648	1.844	3.473	5.317
9/39	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	672	1.952	3.647	5.599
10/40	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	696	2.087	3.821	5.909
11/41	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	714	2.240	3.996	6.236
12/42	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	2.411	4.284	6.695
13/43	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	2.609	4.573	7.182
14/44	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	2.834	4.862	7.696
15/45	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	3.077	5.150	8.227
16/46	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	3.338	5.440	8.778
17/47	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	3.626	5.966	9.592
18/48	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	3.931	6.494	10.425
19/49	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	4.255	7.020	11.275
20/50	23.455	26.545	50.000	-	23.455	26.545	50.000	720	4.606	7.547	12.153

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
 NGUYỄN THỊ THÚY VÂN
 Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummy001

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
 VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



220705101824001

In ngày: 05/07/2022 10.18.26
 Trang số: 8 / 17

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỔ TRỢ

STT	Bảo hiểm bổ trợ (BHBT)	Quyền lợi bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm
1	Bảo hiểm miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng	Generali sẽ thay Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm phải đóng trong tương lai của Hợp đồng kể từ Ngày đến hạn đóng phí kế tiếp ngay sau ngày Bảo hiểm bổ trợ này được chấp thuận chi trả cho đến khi kết thúc thời hạn của Bảo hiểm bổ trợ này hoặc khi kết thúc thời hạn 15 năm, tùy thời điểm nào đến trước.	Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của BHBT Bảo hiểm miễn đóng phí Bệnh hiểm nghèo mở rộng.
2	Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	25% Số tiền bảo hiểm(*)	Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo dành cho trẻ em.
		25% Số tiền bảo hiểm(*)	Người được bảo hiểm mắc Biến chứng bệnh tiểu đường.
		25% Số tiền bảo hiểm(*)	Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu (chi trả cho tối đa 02 Bệnh hiểm nghèo thuộc 02 Nhóm bệnh hiểm nghèo khác nhau).
		100% Số tiền bảo hiểm	Người được bảo hiểm được Chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (chi trả cho tối đa 05 Bệnh hiểm nghèo thuộc 05 Nhóm bệnh hiểm nghèo khác nhau).
3	Bảo hiểm hỗ trợ viện phí	100% Số tiền bảo hiểm	Người được bảo hiểm phải Nằm viện tại Bệnh viện.
		200% Số tiền bảo hiểm	Người được bảo hiểm nằm tại Phòng chăm sóc đặc biệt khi đang là Bệnh nhân nội trú, tối đa 30 ngày mỗi Năm hợp đồng.
		500% Số tiền bảo hiểm	Người được bảo hiểm phải trải qua Phẫu thuật.
		50% Số tiền bảo hiểm	Người được bảo hiểm cần phải Chăm sóc y tế, tối đa 30 ngày mỗi

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm:
NGUYỄN THỊ THÚY VÂN
Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummy001

**QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC NHẬN TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ
VÀ CHẤP NHẬN MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ**

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



220705101824001

In ngày: 05/07/2022 10.18.26
Trang số: 9 / 17

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA BẢO HIỂM BỔ TRỢ

STT	Bảo hiểm bổ trợ (BHBT)	Quyền lợi bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm
			Năm hợp đồng.

Ghi chú:

- Vui lòng tham chiếu Số tiền bảo hiểm tương ứng tại Trang “Thông tin hợp đồng bảo hiểm”.
 - Chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
- (*) Số tiền tối đa mỗi lần chi trả không được vượt quá 500 triệu đồng cho mỗi quyền lợi – đối với tất cả các Hợp đồng bảo hiểm của một Người được bảo hiểm.



DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO ĐƯỢC BẢO HIỂM

BIẾN CHỨNG BỆNH TIỂU ĐƯỜNG	BỆNH HIỂM NGHÈO DÀNH RIÊNG CHO TRẺ EM			
1. Bệnh vớng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường	1. Bệnh Wilson 2. Bệnh Tay - Chân - Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng) 3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1)	4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim 5. Bệnh xương thủy tinh 6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	7. Bệnh Hemophilia thể nặng 8. Sốt xuất huyết Dengue 9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em)	10. Chứng tự kỷ thể nặng 11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp

BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU VÀ BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN SAU THEO NHÓM BỆNH

Nhóm bệnh	35 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu		61 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau	
1. Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ	2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan	1. Ung thư	
2. Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật tái tạo đường mật	8. Ghép giác mạc 9. Hen suyễn nặng 10. Xơ gan 11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp	7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn mãn tính
3. Hệ tuần hoàn (tim và mạch máu)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim 14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu 16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da	17. Cắt màng ngoài tim 18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm 20. Phồng động mạch chủ nặng không có triệu chứng	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ 15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát	16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
4. Hệ thần kinh - Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương có gãy xương 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột	25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình	19. Hôn mê 20. Đột quy 21. Bệnh Alzheimer 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não nặng 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. U não lành tính 31. Bệnh bại liệt	32. Cụt chi 33. Liệt chi 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do Tai nạn 41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallie 43. Liệt trên nhân tiến triển 44. Liệt hành não tiến triển
5. Nhóm Bệnh hiểm nghèo khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bồng không nghiêm trọng 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai	33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt 34. Viêm vớng mạc sắc tố 35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình	45. Bồng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển 53. Nhiễm HIV do truyền máu	54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thận mãn tính 56. Viêm cân mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có đường rò 59. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh phù chân voi



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

A. THÔNG TIN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Các Quỹ liên kết đơn vị và Mục tiêu đầu tư	Công ty quản lý Quỹ	Danh mục đầu tư	Mức độ rủi ro và Lợi nhuận dự kiến
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Trái phiếu/Công cụ lãi suất cố định (Đầu tư tối đa 95%) - Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	Thấp
Quỹ Tích Lũy Năng Động	Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam		
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	Công ty quản lý quỹ VinaCapital	- Cổ phiếu (Đầu tư tối đa 95%) - Công cụ thị trường tiền tệ (Đầu tư tối thiểu 5%)	Cao
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Công ty quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam		

B. BẢNG TỶ SUẤT ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

Quỹ Liên kết đơn vị	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược		Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	
	Quỹ Tích Lũy Năng Động	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược
Tỷ suất đầu tư minh họa theo loại tài sản	Thấp	Cao	Thấp	Cao
Cổ phiếu	Không áp dụng	Không áp dụng	0,9%	9,0%
Trái phiếu/ Công cụ lãi suất cố định	4,3%	6,2%	Không áp dụng	Không áp dụng
Tài sản khác	3,0%	7,0%	3,0%	7,0%
Tỷ suất đầu tư bình quân gia quyền của Quỹ	4,2%	6,2%	1,0%	8,9%

- Tỷ suất đầu tư dự kiến được dùng để minh họa các giá trị trong trang “Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm” và các trang “Minh họa chi tiết giá trị quỹ”.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến được giả định không thay đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng.
- Tỷ suất đầu tư dự kiến chỉ có giá trị minh họa và KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

C. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Năm	So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (1) và (2) với chỉ số đầu tư được lựa chọn			So sánh tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ (3) và (4) với chỉ số đầu tư được lựa chọn		
	Quỹ Tích Lũy Chiến Lược (1)	Quỹ Tích Lũy Năng Động (2)	Lãi suất liên ngân hàng Việt Nam (VNIBOR) 3 tháng + 3,5%	Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược (3)	Quỹ Tăng Trưởng Năng Động (4)	VNindex
Từ khi thành lập (*)	19,42%	18,68%	14,33%	65,19%	63,57%	52,98%
2020	7,16%	7,37%	5,78%	11,05%	14,06%	14,87%
2021	9,22%	8,36%	5,00%	52,42%	45,47%	35,73%

Ghi chú:

- (*) Từ ngày thành lập quỹ 15/08/2019 đến 31/12/2021 .
- Kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.
- Các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán hoặc các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho bên mua bảo hiểm

D. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Generali sẽ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị vào Ngày định giá theo định kỳ 1 lần/tuần (trừ trường hợp lễ Tết hoặc do nguyên nhân bất khả kháng).
- Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ là giá một Đơn vị quỹ khi Generali thực hiện mua hoặc bán các Đơn vị quỹ cho Bên mua bảo hiểm. Tuy nhiên, Giá đơn vị quỹ có thể khác nhau theo từng Quỹ liên
- Giá đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết đơn vị. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị **KHÔNG ĐẢM BẢO** và có thể cho kết quả âm.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị.



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

E. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Generali sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:

- Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
- Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- Chia tách và/hoặc sáp nhập các Đơn vị Quỹ hiện có;
- Ngừng định giá Đơn vị Quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
- Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

F. QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Chỉ định tỷ lệ đầu tư vào từng Quỹ liên kết đơn vị;
- Yêu cầu thay đổi tỷ lệ đầu tư;
- Chuyển đổi giữa các Quỹ liên kết đơn vị;
- Đóng thêm Phí bảo hiểm để đầu tư bổ sung;
- Rút một phần giá trị quỹ (Rút tiền).



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

G. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí bảo hiểm cơ bản: là phí bảo hiểm của quyền lợi chính. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
2. Phí bảo hiểm bổ trợ: là phí bảo hiểm của (các) Bảo hiểm bổ trợ (nếu có). Phí bảo hiểm bổ trợ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
3. Phí bảo hiểm định kỳ: là tổng Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ theo định kỳ đóng phí đã chọn.
4. Phí bảo hiểm đóng thêm: là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
5. Tài khoản cơ bản: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng; ii) Quyền lợi Món quà khởi đầu được chi trả (nếu có); và iii) Quyền lợi Thưởng định kỳ được chi trả (nếu có).
6. Tài khoản đóng thêm: là tài khoản có các Đơn vị quỹ được hình thành từ: i) Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng (nếu có); và (ii) Quyền lợi Thưởng đặc biệt được chi trả (nếu có).
7. Tài khoản hợp đồng: là bao gồm Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được tính theo tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm bổ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
% Phí bảo hiểm cơ bản	85%	70%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm bổ trợ	60%	45%	15%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%				

9. Phí bảo hiểm rủi ro: là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Quyền lợi bảo hiểm mở rộng (nếu có).
10. Phí quản lý hợp đồng: là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2021, Phí quản lý hợp đồng là 37.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.



THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

11. Phí quản lý Quỹ: Là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Phí quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ % tổng tài sản của Quỹ trước khi Generali công bố Giá đơn vị Quỹ và khác nhau theo từng loại Quỹ như sau:

Quỹ liên kết đơn vị	Phí quản lý Quỹ hàng năm (% tổng tài sản Quỹ)
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	1,5%/năm
Quỹ Tích Lũy Năng Động	1,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	2,5%/năm
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	2,5%/năm

12. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn: là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được tính như sau:

a. Đối với Tài khoản cơ bản

Năm đóng phí	1 - 4	5+
Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành Hợp đồng bảo hiểm	30%	0%

Nếu Giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn, thì Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn bằng Giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn.

b. Đối với Tài khoản đóng thêm

Năm đóng phí	1 - 4	5+
% Giá trị tài khoản đóng thêm	5%	0%

13. Phí chuyển đổi Quỹ: Trong mỗi Năm hợp đồng, Generali sẽ miễn Phí chuyển đổi Quỹ cho 05 lần chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 06 trở đi, Phí chuyển đổi Quỹ là 100.000 đồng cho mỗi lần chuyển đổi và được khấu trừ từ số tiền yêu cầu chuyển đổi trước khi chuyển đi.

14. Phí rút tiền là khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi rút một phần từ Tài khoản đóng thêm trong 04 Năm đóng phí đầu tiên, Phí rút tiền bằng 05% số tiền rút cho mỗi lần rút tiền.



XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM	
<p>Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.</p>	<ol style="list-style-type: none">1. Tôi/Chúng tôi, (những) người ký tên dưới đây, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ các quyền lợi (đảm bảo và không đảm bảo) và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm.2. Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.3. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị (không được đảm bảo), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng, vì vậy giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này.4. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.5. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí bảo hiểm rủi ro của (các) Bảo hiểm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) Bảo hiểm bổ trợ.6. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm Liên kết đơn vị là một cam kết dài hạn. Việc tham gia hợp đồng trong khoảng thời gian ngắn và chấm dứt hợp đồng trước hạn có thể chịu một khoản phí rất cao và kết quả đầu tư có thể không được như kỳ vọng.7. Các kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị trước đây (nếu có) chỉ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.	
<p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>	<p style="text-align: center;">BÊN MUA BẢO HIỂM</p> <p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>	<p style="text-align: center;">NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (Cha/mẹ/người giám hộ hợp pháp ký thay nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi)</p> <p>Họ và tên: Ngày:/...../.....</p>